THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1137/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 03 tháng 8 năm 2017

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Số: 2550
ĐẾN Ngày: 7/8/17
Chuyển: PCN

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Đề án nâng cao năng lực cạnh tranh các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 2471/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011-2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011-2020, định hướng đến năm 2030;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án nâng cao năng lực cạnh tranh các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

a) Nâng cao năng lực cạnh tranh hàng xuất khẩu bảo đảm phù hợp với quan điểm, mục tiêu, giải pháp phát triển xuất khẩu hàng hóa trong Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011-2020, định hướng đến năm 2030.

b) Phù hợp với quá trình cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng để đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

c) Phù hợp với các cam kết quốc tế, đồng thời tận dụng được lợi thế từ các hiệp định thương mại tự do Việt Nam tham gia để thực hiện nhất quán chủ trương chủ động hội nhập quốc tế.

d) Tập trung nâng cao năng lực cạnh tranh các mặt hàng đang và sẽ có lợi thế xuất khẩu, trên cơ sở khai thác tối đa lợi thế so sánh hiện có, đồng thời tạo ra lợi thế so sánh mới dựa trên ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao và các thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

đ) Nâng cao năng lực cạnh tranh hàng hóa gắn với nâng cao năng lực cạnh tranh doanh nghiệp và năng lực cạnh tranh quốc gia.

e) Doanh nghiệp đóng vai trò quyết định trong nâng cao năng lực cạnh tranh hàng xuất khẩu, Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi về cơ chế chính sách, hiệp hội ngành hàng đóng vai trò hỗ trợ và liên kết các doanh nghiệp hội viên.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Nâng cao năng lực cạnh tranh hàng hóa xuất khẩu Việt Nam trên thị trường thế giới giai đoạn 2016-2020 và 2021-2030, phấn đấu kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đến năm 2020 tăng gấp trên 3 lần năm 2010, cân bằng cán cân thương mại vào năm 2020 và đạt thặng dư thương mại thời kỳ 2021 - 2030.

b) Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2020:

+ Nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng của các mặt hàng đang có lợi thế xuất khẩu.

+ Giá trị gia tăng của các mặt hàng nông sản, thủy sản xuất khẩu chủ lực tăng bình quân 20% so với hiện nay. Tăng dần tỷ trọng xuất khẩu nông, thủy sản vào thị trường các nền kinh tế phát triển (như EU, Nhật Bản, Hàn Quốc...).

+ Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng xuất khẩu hàng hóa bình quân 8%/năm thời kỳ 2016 - 2020.

+ Mỗi năm có ít nhất 100 lượt doanh nghiệp xuất khẩu có sản phẩm đạt thương hiệu quốc gia và 200 lượt doanh nghiệp đạt giải chất lượng quốc gia.

+ Phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ đáp ứng cơ bản nhu cầu nguyên phụ liệu và linh phụ kiện cho các ngành hàng có lợi thế xuất khẩu.

+ Doanh nghiệp Việt Nam tham gia được vào chuỗi cung ứng toàn cầu ở một số khâu có giá trị gia tăng cao.

+ Góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh công nghiệp của Việt Nam tăng ít nhất 12 bậc so với năm 2015.

+ Góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia tăng ít nhất 15 bậc so với năm 2015.

- Đến năm 2030:

+ Nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng cho các mặt hàng sẽ có lợi thế xuất khẩu.

+ Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng xuất khẩu hàng hóa bình quân 9% -10%/năm thời kỳ 2021-2030.

+ Mỗi năm có ít nhất 200 lượt doanh nghiệp xuất khẩu có sản phẩm đạt thương hiệu quốc gia và 400 lượt doanh nghiệp đạt giải chất lượng quốc gia.

+ Hình thành các doanh nghiệp có năng lực cạnh tranh cao, làm nòng cốt cho các nhóm mặt hàng xuất khẩu.

+ Góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh công nghiệp của Việt Nam tăng ít nhất 20 bậc so với năm 2015.

+ Góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia tăng ít nhất 25 bậc so với năm 2015.

II. CÁC MẶT HÀNG ƯU TIÊN TẬP TRUNG NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH

1. Nhóm hàng nông sản, thủy sản

a) Các mặt hàng đang có lợi thế xuất khẩu

- Gạo.

- Cà phê.

- Cao su.

- Thủy sản.

- Hạt tiêu.

- Hạt điều.

- Sắn và sản phẩm chế biến từ sắn.

- Rau quả.

b) Các mặt hàng sẽ có lợi thế xuất khẩu

- Chè.

- Mật ong.

2. Nhóm hàng công nghiệp chế biến

a) Các mặt hàng đang có lợi thế xuất khẩu

- Dệt may.

- Giày dép.

- Đồ gỗ.

- Valy, túi xách, ô dù

- Điện thoại các loại và linh kiện.

- Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện.

- Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện.

- Phương tiện vận tải và phụ tùng.

- Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác.

- Dây điện, cáp điện.

b) Các mặt hàng sẽ có lợi thế xuất khẩu

- Nguyên phụ liệu dệt may, da giày.

- Nhựa và sản phẩm nhựa.

- Phân bón.

- Hóa chất.

III. NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Các nhóm giải pháp chủ yếu

a) Tổ chức lại sản xuất thông qua chuyển đổi phương thức sản xuất và xuất khẩu

- Chuyển đổi phương thức sản xuất:

+ Đối với nông sản: Chuyển từ sản xuất nhỏ phân tán sang sản xuất tập trung quy mô lớn, quản lý chất lượng từ nuôi trồng đến vận chuyển, chế biến, bảo quản, tiêu thụ.

+ Đối với sản phẩm công nghiệp: Chuyển từ gia công thuần túy sang các phương thức sản xuất có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị hàng hóa.

- Chuyển đổi phương thức xuất khẩu:

+ Chuyển từ xuất khẩu qua trung gian sang xuất khẩu trực tiếp.

+ Chuyển từ xuất khẩu theo điều kiện giao hàng FOB sang xuất khẩu theo điều kiện giao hàng CIF.

b) Chuyển dịch cơ cấu sản phẩm xuất khẩu theo hướng nâng cao tỷ trọng sản phẩm có giá trị gia tăng cao

- Đối với nông sản xuất khẩu: Chuyển từ xuất khẩu nguyên liệu thô sang sản phẩm đã chế biến, từ sản phẩm chế biến đơn giản sang sản phẩm chế biến có giá trị gia tăng cao.

- Đối với hàng công nghiệp xuất khẩu: Chuyển từ sản phẩm giá trị gia tăng thấp sang sản phẩm giá trị gia tăng cao.

c) Nâng cao chất lượng đối với sản phẩm xuất khẩu

- Đẩy nhanh việc xây dựng và áp dụng hệ thống tiêu chuẩn quốc gia hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài đối với hàng hóa xuất khẩu, bao gồm tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, tiêu chuẩn môi trường.

- Xây dựng năng lực của tổ chức thử nghiệm, tổ chức chứng nhận đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế để phục vụ việc đánh giá sự phù hợp tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài và tiêu chuẩn riêng đối với hàng hóa xuất khẩu.

- Thúc đẩy việc xây dựng, hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn riêng phổ biến tại các thị trường xuất khẩu chính có khả năng tạo ra các rào cản thương mại đối với sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam.

- Phổ biến, tư vấn, đào tạo doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu về áp dụng tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa của các thị trường nước ngoài.

- Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển các sản phẩm xuất khẩu đạt giải thưởng chất lượng quốc gia và giải thưởng chất lượng quốc tế.

d) Phát triển công nghiệp hỗ trợ đối với các ngành có lợi thế xuất khẩu

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp hỗ trợ; tập trung phát triển công nghiệp hỗ trợ cho các mặt hàng đang và sẽ có lợi thế xuất khẩu, nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm xuất khẩu và tăng tỷ trọng sản xuất hàng xuất khẩu từ nguyên liệu trong nước.

- Phát triển công nghiệp hỗ trợ được thực hiện thông qua xây dựng, triển khai chính sách hỗ trợ đối với các hoạt động nghiên cứu và phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, phát triển thị trường.

đ) Tăng cường vai trò của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh hàng xuất khẩu Việt Nam

- Khuyến khích doanh nghiệp FDI nâng cao tỷ lệ nội địa hóa của các mặt hàng công nghiệp xuất khẩu chủ lực (dệt may, giày dép, điện tử, phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị, dụng cụ).

- Ưu tiên và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp FDI tham gia vào lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.

- Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp FDI liên kết với doanh nghiệp trong nước trong sản xuất, kinh doanh hàng xuất khẩu.

- Có chính sách thu hút nguồn vốn FDI vào phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ và các ngành có tiềm năng xuất khẩu mà doanh nghiệp trong nước còn yếu.

e) Củng cố và mở rộng thị trường cho hàng hóa xuất khẩu

- Củng cố các thị trường xuất khẩu trọng điểm và truyền thống, đặc biệt chú trọng các thị trường xuất siêu truyền thống (như Hoa Kỳ, EU) và các thị trường xuất khẩu truyền thống trước đây thuộc Liên minh Kinh tế Á-Âu.

- Nâng cao hiệu quả và đổi mới phương thức xúc tiến thương mại, tập trung vào các hàng hóa có lợi thế xuất khẩu, các thị trường tiềm năng và các thị trường ngách để mở ra các thị trường mới nhằm đa dạng hóa thị trường xuất khẩu.

- Tiếp tục đàm phán, ký kết và triển khai các hiệp định thương mại song phương và đa phương theo hướng tạo thuận lợi và nâng cao lợi thế cạnh tranh cho hàng xuất khẩu Việt Nam trên thị trường thế giới, đồng thời thúc đẩy công tác vận động để Việt Nam sớm được các nước công nhận là quốc gia có nền kinh tế thị trường.

- Chú trọng phát triển thị trường nội địa nhằm bổ sung và hỗ trợ thị trường xuất khẩu, tăng quy mô sản xuất, hạ giá thành, nâng cao lợi thế cạnh tranh cho sản phẩm.

g) Tăng cường xây dựng thương hiệu quốc gia, thương hiệu sản phẩm xuất khẩu và thương hiệu doanh nghiệp

- Xây dựng thương hiệu quốc gia chung Việt Nam tại các thị trường xuất khẩu.

- Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng sản phẩm xuất khẩu đạt thương hiệu quốc gia và xây dựng thương hiệu doanh nghiệp.

- Hoàn thiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong việc xác lập, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp ở thị trường trong nước và tại các thị trường xuất khẩu.

h) Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, tạo thuận lợi và giảm chi phí cho doanh nghiệp

- Cải thiện môi trường kinh doanh: Đẩy mạnh đơn giản hóa thủ tục hành chính, tăng cường dịch vụ công trực tuyến, triển khai cơ chế một cửa quốc gia.

- Đẩy mạnh phát triển hạ tầng cơ sở (điện, nước, thông tin liên lạc, giao thông vận tải); phát triển dịch vụ logistics, đưa hàng hóa xuất khẩu tới các thị trường với chi phí và thời gian tiết kiệm nhất.

i) Nâng cao năng lực của doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu, đặc biệt doanh nghiệp nhỏ và vừa

- Xây dựng các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư đổi mới thiết bị, đổi mới công nghệ và đổi mới quy trình sản xuất sản phẩm đạt chất lượng, tiêu chuẩn của các thị trường xuất khẩu; đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và triển khai, ứng dụng khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao, nhằm nhanh chóng chuyển sang phương thức sản xuất và phương thức quản trị tiên tiến theo các hướng phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

- Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng chiến lược xuất khẩu hàng hóa phù hợp với từng thị trường và năng lực của doanh nghiệp; tham gia vào mạng lưới sản xuất, phân phối ở nước ngoài và các chuỗi giá trị toàn cầu.

- Khuyến khích, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tăng cường các mối liên kết giữa doanh nghiệp cung ứng nguyên phụ liệu với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm cuối, giữa các khâu sản xuất - vận chuyển - chế biến – bảo quản - tiêu thụ, giữa nhà nông - nhà doanh nghiệp - nhà nước - nhà khoa học (trong nông nghiệp), giữa doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp nước ngoài.

- Hỗ trợ doanh nghiệp về thông tin thị trường và xúc tiến thương mại thông qua phát triển hệ thống thông tin thương mại thị trường và tăng cường công tác nghiên cứu, phân tích, dự báo thị trường hỗ trợ doanh nghiệp.

- Hỗ trợ doanh nghiệp trong đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, người lao động trực tiếp).

- Cung cấp thông tin tư vấn và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu.

k) Nâng cao năng lực của các hiệp hội ngành hàng

- Tạo thuận lợi cho hiệp hội phát triển các hoạt động hỗ trợ hội viên về đào tạo, tư vấn, xúc tiến thương mại, nhận chứng chỉ chất lượng sản phẩm quốc tế.

- Tạo điều kiện, hỗ trợ cho các hiệp hội xây dựng hệ thống thông tin phân tích, dự báo về cung cầu, giá cả thị trường quốc tế, kết nối với các hệ thống cơ sở dữ liệu thị trường, xúc tiến thương mại của các Bộ, ngành liên quan để cung cấp cho các doanh nghiệp hội viên.

- Tạo thuận lợi cho các hiệp hội tăng cường vai trò liên kết hội viên trong mỗi ngành hàng và giữa các ngành hàng khác nhau.

- Sửa đổi, bổ sung quy định của pháp luật liên quan bảo đảm các hiệp hội được tham gia đầy đủ trong quá trình xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật.

2. Phân giai đoạn thực hiện Đề án

a) Giai đoạn đến 2020

- Đối với các mặt hàng đang có lợi thế xuất khẩu: Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh để khai thác lợi thế hiện có, đẩy mạnh xuất khẩu.

- Đối với các mặt hàng sẽ có lợi thế xuất khẩu: Tập trung vào các giải pháp tạo ra lợi thế mới nhằm nâng cao khả năng cung nội địa, phát triển thương hiệu và mở rộng thị trường, từng bước đẩy mạnh xuất khẩu.

b) Giai đoạn 2021-2030

Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh đối với các mặt hàng đang có lợi thế xuất khẩu và các mặt hàng sẽ có lợi thế xuất khẩu, đẩy mạnh xuất khẩu.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Căn cứ những giải pháp chủ yếu quy định tại Mục III Điều 1 Quyết định này và giải pháp cụ thể đối với các mặt hàng ưu tiên tập trung nâng cao năng lực cạnh tranh đề ra trong Đề án, các bộ, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực, địa bàn phụ trách, xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch hành động cụ thể để nâng cao năng lực cạnh tranh của các mặt hàng xuất khẩu phù hợp điều kiện, đặc điểm của lĩnh vực, địa bàn; trong đó tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Bộ Công Thương

Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp tổ chức triển khai thực hiện Đề án và các nhiệm vụ:

a) Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch tổ chức lại sản xuất đối với các mặt hàng có lợi thế xuất khẩu thuộc nhóm hàng công nghiệp nêu tại khoản 2 Mục II phù hợp với từng giai đoạn.

b) Tạo thuận lợi cho hoạt động xúc tiến thương mại và phát triển thị trường của doanh nghiệp thông qua triển khai Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia, Đề án phát triển các thị trường khu vực thời kỳ 2015-2020, định hướng đến năm 2030, Đề án xây dựng chính sách khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam tham gia trực tiếp các mạng sản xuất và phân phối ở ngoài nước, Đề án củng cố và mở rộng hệ thống cơ quan đại diện xúc tiến thương mại Việt Nam tại nước ngoài, Đề án nâng cao năng lực công tác thông tin xúc tiến thương mại.

c) Chủ trì, làm đầu mối tổ chức xây dựng thương hiệu chung hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam; hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng thương hiệu sản phẩm và doanh nghiệp xuất khẩu thông qua Chương trình thương hiệu quốc gia.

d) Tổ chức đàm phán, ký kết và triển khai các hiệp định kinh tế - thương mại, như Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP), các hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam với EU, Hàn Quốc và Liên minh Kinh tế Á-Âu, các hiệp định thương mại biên giới với Trung Quốc, Lào và Campuchia.

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện các hiệp định thương mại song phương và đa phương đã ký, đề xuất giải pháp ứng phó khi có biến động bất lợi.

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện công tác vận động để Việt Nam sớm được các nước công nhận là nền kinh tế thị trường.

g) Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến để doanh nghiệp nắm bắt, tận dụng cơ hội và giảm thiểu tác động tiêu cực từ các hiệp định thương mại tự do đối với các mặt hàng xuất khẩu.

h) Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước ứng phó với biện pháp phòng vệ thương mại của nước ngoài, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp và hàng hóa Việt Nam tại thị trường nước ngoài.

i) Đẩy mạnh phát triển công nghiệp hỗ trợ cho các mặt hàng xuất khẩu theo quy định của pháp luật và quy hoạch, chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ.

k) Hỗ trợ doanh nghiệp về thông tin thương mại thông qua phát triển hệ thống thông tin thị trường, xúc tiến thương mại, tăng cường công tác phân tích,

dự báo thị trường và củng cố, nâng cấp chức năng, nhiệm vụ các đơn vị thông tin thương mại.

l) Khuyến khích, hỗ trợ phát triển mối liên kết giữa các hiệp hội ngành hàng và doanh nghiệp với các tập đoàn thương mại quốc tế lớn.

m) Phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng, dịch vụ logistics của Việt Nam; triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm logistics trên địa bàn cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam đến năm 2025.

n) Phát triển thương mại điện tử hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu.

o) Đánh giá kết quả triển khai thực hiện Đề án hàng năm và tổng kết kết quả thực hiện Đề án vào cuối năm 2020, báo cáo đề xuất Thủ tướng Chính phủ phương hướng thực hiện Đề án cho giai đoạn tiếp theo.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp triển khai các nhiệm vụ:

a) Tiếp tục tổ chức lại sản xuất nông nghiệp theo hướng phát triển phát triển bền vững dựa trên tiềm năng và lợi thế so sánh, ứng dụng công nghệ cao, tập trung phát triển các sản phẩm có chất lượng, lợi thế; phát triển doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp, khắc phục tình trạng sản xuất nhỏ lẻ, manh mún; tăng cường liên kết nhà nông - nhà doanh nghiệp - nhà khoa học với nòng cốt là liên kết nhà nông - nhà doanh nghiệp; tiếp tục xây dựng chuỗi liên kết trong sản xuất, bảo quản, chế biến và phân phối nông sản, tham gia hiệu quả vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị nông nghiệp toàn cầu.

b) Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch tổ chức lại sản xuất đối với các mặt hàng có lợi thế xuất khẩu thuộc nhóm hàng nông sản, thủy sản nêu tại khoản 1 Mục II phù hợp với từng giai đoạn.

c) Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao, nhằm nâng cấp và hoàn thiện quy trình sản xuất nông, lâm, thủy sản đáp ứng yêu cầu của thị trường xuất khẩu.

d) Bảo vệ và mở rộng thị trường xuất khẩu đối với nông, lâm, thủy sản, đồng thời chú trọng phát triển thị trường nội địa.

đ) Khuyến khích, hỗ trợ xây dựng thương hiệu cho sản phẩm nông, lâm, thủy sản xuất khẩu và thương hiệu cho doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu nông, lâm, thủy sản.

e) Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng quy trình sản xuất bền vững (GAP) trong nuôi trồng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến trong chế biến nhằm tăng cường quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm của nông, lâm, thủy sản xuất khẩu từ khâu nuôi trồng đến thu hoạch, vận chuyển, chế biến đến xuất khẩu.

g) Hoàn thiện quy định về chất lượng sản phẩm và tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm trong sản xuất nông, lâm, thủy sản xuất khẩu. Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn chất lượng nguyên liệu đầu vào và chất lượng sản phẩm đầu ra của các nhà máy chế biến nông sản.

h) Tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho xuất khẩu nông, lâm, thủy sản thông qua đàm phán, ký kết các hiệp định, thỏa thuận với các đối tác thương mại về mở cửa thị trường đối với nông, lâm, thủy sản và các thỏa thuận công nhận lẫn nhau về kiểm nghiệm, kiểm dịch, vệ sinh an toàn thực phẩm đối với nông, lâm, thủy sản xuất khẩu.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp triển khai các nhiệm vụ:

a) Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và triển khai, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ đặc biệt là công nghệ cao; áp dụng hệ thống quản lý và công cụ cải tiến năng suất, chất lượng, đổi mới quy trình sản xuất theo các hướng phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 để sản xuất ra các sản phẩm đạt chất lượng và tiêu chuẩn của các thị trường xuất khẩu.

b) Phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực và tiêu chuẩn nước ngoài đối với hàng hóa xuất khẩu.

c) Nâng cao năng lực của tổ chức thử nghiệm, tổ chức chứng nhận đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế để đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của hàng xuất khẩu chủ lực.

d) Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận và áp dụng tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài và tiêu chuẩn riêng vào sản xuất hàng xuất khẩu.

đ) Hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện chứng nhận sự phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài và tiêu chuẩn riêng theo quy định của pháp luật.

e) Thúc đẩy, hướng dẫn doanh nghiệp áp dụng các tiêu chuẩn riêng quốc tế được áp dụng phổ biến tại các thị trường xuất khẩu chính một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực (như nông sản, thủy sản, dệt may, da giày...)

g) Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp trong việc xác lập và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp ở trong nước và tại các thị trường xuất khẩu.

h) Tuyên truyền, phổ biến, tư vấn cho doanh nghiệp về hàng rào kỹ thuật tại các thị trường xuất khẩu.

i) Chủ trì tổ chức thực hiện các thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau kết quả đánh giá sự phù hợp theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

k) Đẩy mạnh triển khai Chương trình quốc gia nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020, Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, Chương trình phát triển thị trường công nghệ đến năm 2020; tiếp tục tập trung xây dựng và tổ chức triển khai chương trình, đề án trong hoạt động đo lường, tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm hàng hóa để hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế.

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp triển khai các nhiệm vụ:

a) Xây dựng, hoàn thiện quy định về môi trường liên quan đến khai thác, nuôi trồng, sản xuất và chế biến hàng xuất khẩu, phù hợp với quy định của quốc tế và các khu vực thị trường nước ngoài.

b) Xây dựng, hoàn thiện quy định về thương hiệu và nhãn hiệu uy tín về môi trường (sử dụng tài nguyên bền vững, sử dụng công nghệ ít phát thải và công nghệ sử dụng năng lượng tái tạo...).

c) Xây dựng hệ thống đánh giá, xếp hạng, tổ chức công nhận, trao thưởng các hàng hóa, doanh nghiệp xuất khẩu thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường.

d) Xây dựng cơ chế đơn giản hóa thủ tục môi trường cho các doanh nghiệp đa quốc gia đã có hệ thống quản lý, sản xuất theo tiêu chuẩn quốc tế, đã có chứng nhận ISO về quản lý môi trường.

đ) Xây dựng chính sách tạo thuận lợi, hỗ trợ cho các dự án nghiên cứu và phát minh về công nghệ xử lý môi trường tiên tiến, chi phí thấp, hiệu quả cao, tạo điều kiện xuất khẩu công nghệ xử lý môi trường.

e) Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải hiện đại.

g) Xây dựng chính sách quyền sử dụng đất lâu dài, ổn định cho doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất và chế biến nông sản, thủy sản xuất khẩu. Đề xuất Chính phủ trình Quốc hội sửa đổi Luật Đất đai theo hướng tạo thuận lợi hơn cho tích tụ ruộng đất, mở rộng hạn điền, có chính sách bồi thường phù hợp khi thu hồi đất, khuyến khích phát triển nông nghiệp quy mô lớn.

5. Bộ Ngoại giao

Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp triển khai các nhiệm vụ:

a) Xây dựng, triển khai các hoạt động ngoại giao phục vụ kinh tế, phối hợp thúc đẩy công tác vận động các nước, các tổ chức quốc tế công nhận Việt Nam có nền kinh tế thị trường; hỗ trợ các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp thúc đẩy hợp tác thương mại song phương và đa phương với các nước.

b) Phối hợp với các bộ, ngành hỗ trợ các hoạt động xúc tiến thương mại, tìm hiểu thị trường của doanh nghiệp Việt Nam: Tìm kiếm cơ hội cho hàng hóa Việt Nam thâm nhập thị trường nước ngoài; tăng cường liên kết doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp nước ngoài; bảo vệ lợi ích hợp pháp, tháo gỡ khó khăn của doanh nghiệp và hàng hóa xuất khẩu Việt Nam.

c) Chỉ đạo các cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài hỗ trợ cung cấp thông tin cho bộ, ngành, địa phương, hiệp hội ngành hàng và doanh nghiệp có nhu cầu về tình hình và chính sách tại các thị trường xuất khẩu.

6. Bộ Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp triển khai các nhiệm vụ:

a) Bố trí kinh phí sự nghiệp thực hiện các nội dung của Đề án theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

b) Nghiên cứu chính sách, triển khai có hiệu quả bảo hiểm nông nghiệp.

c) Đẩy mạnh đơn giản hóa và điện tử hóa các thủ tục về thuế và hải quan cho doanh nghiệp.

d) Nghiên cứu đàm phán, ký kết các thỏa thuận, hiệp định hợp tác trong lĩnh vực hải quan với các đối tác thương mại quan trọng nhằm tạo thuận lợi và đảm bảo lợi thế cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu Việt Nam sang các thị trường này.

đ) Xây dựng chính sách tạo thuận lợi, hỗ trợ cho các doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu phát triển, ứng dụng và đổi mới công nghệ trong sản xuất nhằm thúc đẩy nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và sức cạnh tranh của doanh nghiệp.

7. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp triển khai các nhiệm vụ:

a) Bố trí nguồn vốn đầu tư phát triển thực hiện các nhiệm vụ của Đề án theo quy định, tạo thuận lợi nâng cao năng lực cạnh tranh hàng xuất khẩu.

b) Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các ngành công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp công nghệ cao, chế biến nông sản (đặc biệt là sản phẩm có giá trị gia tăng cao và chế biến phụ phẩm) theo hướng khuyến khích chuyển giao công nghệ, giảm tỷ trọng gia công lắp ráp, tăng tỷ trọng sản xuất hàng xuất khẩu từ nguyên liệu trong nước.

c) Hướng dẫn, quản lý sử dụng hiệu quả nguồn vốn viện trợ phát triển chính thức (ODA) vào việc nâng cao năng lực cạnh tranh của quốc gia, doanh nghiệp và hàng hóa xuất khẩu Việt Nam.

d) Tăng cường công tác phát triển doanh nghiệp theo hướng nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa.

đ) Khuyến khích, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia vào phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ.

e) Hoàn thiện quy định của pháp luật về đầu tư của cá nhân, doanh nghiệp Việt Nam ra nước ngoài, trong đó chú trọng đến việc hỗ trợ cung cấp thông tin về môi trường đầu tư và cơ hội đầu tư, bảo hộ quyền lợi của cá nhân, doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài.

8. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

a) Tổ chức, điều hành và phát triển thị trường tiền tệ có hiệu quả, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

b) Điều hành thận trọng và linh hoạt các công cụ của chính sách tiền tệ nhằm thực hiện mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, góp phần hỗ trợ năng lực cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam trên thị trường thế giới.

9. Bộ Giao thông vận tải

Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp triển khai các nhiệm vụ:

a) Xây dựng quy định về cước vận tải và các loại phụ cước vận tải hàng hóa theo quy định pháp luật nhằm công khai, minh bạch và giảm thiểu chi phí bất hợp lý cho doanh nghiệp.

b) Đẩy mạnh triển khai các dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng, logistics trong lĩnh vực giao thông vận tải.

10. Bộ Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp hướng dẫn, hỗ trợ các cơ sở đào tạo xây dựng kế hoạch đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho doanh nghiệp đối với các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh những mặt hàng ưu tiên tập trung nâng cao năng lực cạnh tranh nêu tại Mục II Điều 1 Quyết định này.

11. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp tăng cường giáo dục nghề nghiệp nâng cao trình độ người lao động trực tiếp trong các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các mặt hàng ưu tiên tập trung nâng cao năng lực cạnh tranh nêu tại Mục II Điều 1 Quyết định này.

12. Các bộ, ngành, địa phương liên quan

a) Nghiên cứu xây dựng các giải pháp cụ thể nâng cao năng lực cạnh tranh hàng xuất khẩu của Việt Nam theo chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp nội dung Đề án.

b) Chủ động rà soát, bổ sung, sửa đổi cơ chế, chính sách trong lĩnh vực và địa bàn phụ trách để khuyến khích, hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh hàng xuất khẩu của Việt Nam.

13. Các doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng

a) Chủ động triển khai các giải pháp nêu tại Mục III Điều 1 Quyết định này.

b) Tổng hợp các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện và kiến nghị cấp có thẩm quyền các giải pháp tháo gỡ.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Kinh phí thực hiện Đề án được đảm bảo từ ngân sách nhà nước theo quy định, từ nguồn vốn của doanh nghiệp, từ nguồn vốn tài trợ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Căn cứ vào các nhiệm vụ được giao trong Đề án, các bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm và lập dự toán nhu cầu kinh phí trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, KTTH(3).156

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc